ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 19 /2014/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 02 tháng 10 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 4610
Ngày 3 tháng 10 năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 32/TTr-STTTT ngày 30/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND ngày 09/06/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet tại tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ TT&TT;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đăk Nông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chi Cục Văn thư, Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD.

54

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Nguyễn Bốn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19 /2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin, trò chơi điện tử và bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trên mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Các nội dung về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin, trò chơi điện tử và bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trên mạng không quy định trong văn bản này thì thực hiện theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 72/2013/NĐ-CP); Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (gọi tắt là Thông tư 23/2013/TT-BTTTT) và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin, trò chơi điện tử và bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trên mạng thuộc địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chính sách của tỉnh về phát triển, quản lý Internet và thông tin trên mạng

1. Khuyến khích, thúc đẩy việc sử dụng Internet trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học, công nghệ; ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống và đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của nhân dân trong tỉnh.

2. Đẩy mạnh việc đưa các thông tin lành mạnh, hữu ích lên Internet như: Thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh; những kết quả, thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước; giới

thiệu, quảng bá hình ảnh, con người, lịch sử, văn hóa, tiềm năng hợp tác và phát triển của tỉnh; phản bác lại các thông tin sai lệch, xuyên tạc, chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, của tỉnh Đắk Nông nói riêng.

3. Phát triển hạ tầng Internet băng rộng và phổ cập dịch vụ Internet đến tất cả các địa bàn trong tỉnh, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Ngăn chặn những hành vi lợi dụng Internet gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục và vi phạm quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp bảo vệ trẻ em, thanh thiếu niên khỏi tác động tiêu cực của Internet.

Chương II
QUẢN LÝ, CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Điều 4. Điểm truy nhập Internet công cộng

Chủ các Đại lý, các điểm truy nhập Internet công cộng khi hoạt động phải có đăng ký kinh doanh đại lý Internet và ký hợp đồng đại lý Internet với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet nếu có thu cước phí theo quy định tại Điều 8 Mục 1 Chương II của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của chủ điểm truy nhập Internet công cộng

Chủ các Đại lý, các điểm truy nhập Internet công cộng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 9 Mục 1 Chương II của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

Điều 6. Phân loại trang thông tin điện tử

Các trang thông tin điện tử được phân thành các loại: Báo điện tử của cơ quan báo chí; Trang thông tin điện tử tổng hợp; Trang thông tin điện tử nội bộ; Trang thông tin điện tử cá nhân; Trang thông tin điện tử ứng dụng chuyên ngành.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong tỉnh khi thiết lập trang thông tin điện tử phải căn cứ vào Điều 20, Điều 21 Mục 1 Chương III của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP để xác định loại hình trang thông tin điện tử cần thiết lập nhằm bảo đảm việc cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử và bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

Chương III
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG

Điều 7. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được thiết lập Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 35 Chương IV của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

3. Tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tối thiểu 40 m^2 tại các phường, xã thuộc thị xã Gia Nghĩa và thị trấn các huyện; tối thiểu 30 m^2 tại các khu vực khác trong tỉnh.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

Chủ các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 36 Chương IV của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

Điều 9. Cơ quan cấp giấy chứng nhận, sửa đổi bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, gia hạn, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh.

2. Phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị xã là nơi tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thực tế hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn do đơn vị mình quản lý và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định và cấp giấy chứng nhận.

Điều 10. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng gửi trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ bằng đường bưu chính 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT tới cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thực tế hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn đơn vị mình quản lý và gửi hồ sơ biên bản kiểm tra thực tế về đơn vị thẩm định cấp giấy chứng nhận.

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, cơ quan cấp giấy chứng nhận tiến hành thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân biết.

3. Đối với các điểm đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, trước thời hạn hết hạn của giấy chứng nhận tối thiểu 20 (hai mươi) ngày, chủ điểm muốn tiếp tục kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm

cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

1. Các trường hợp phải sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT.

3. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ

a) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành gửi hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận về cơ quan thẩm định cấp giấy chứng nhận.

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan cấp giấy chứng nhận tiến hành thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân biết.

Điều 12. Gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

1. Các điểm đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng muốn tiếp tục hoạt động theo nội dung giấy chứng nhận đã được cấp mà không làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy định này, trước thời hạn hết hạn của giấy chứng nhận tối thiểu 20 (hai mươi) ngày, chủ điểm gửi trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ bằng bưu chính tới cơ quan tiếp nhận hồ sơ 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT.

2. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ

a) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành gửi hồ sơ về đơn vị thẩm định cấp giấy chứng nhận.

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan cấp giấy chứng nhận tiến hành thẩm định hồ sơ và ban hành quyết định gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có thể được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn tối đa là 06 (sáu) tháng.

4. Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 (một) đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo Mẫu số 06a/ĐĐN hoặc Mẫu số 06b/ĐĐN kèm theo Thông tư 23/2013/TT-BTTTT tới cơ quan cấp giấy chứng nhận. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, cơ quan cấp giấy chứng nhận thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

5. Trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được quy định chi tiết tại Điều 11 Thông tư 23/2013/TT-BTTTT.

Chương IV
BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ AN NINH THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Điều 13. Nguyên tắc bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trên mạng

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trong phạm vi hệ thống thông tin của mình; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trên mạng một cách thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

Điều 14. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thông tin và an ninh thông tin

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân về chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm an toàn thông tin.

c) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động bảo đảm an toàn thông tin.

d) Thanh tra, kiểm tra các hệ thống thông tin, các thiết bị điện tử - viễn thông về chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và việc công bố hợp quy về an toàn thông tin.

đ) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bảo đảm an toàn thông tin.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của Chủ các Đại lý, các điểm truy nhập Internet công cộng trong việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, đồng thời công khai danh sách của các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trong việc cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh.

2. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an ninh thông tin.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân về chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm an ninh thông tin.

c) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động bảo đảm an ninh thông tin.

d) Thực hiện việc thu thập, phát hiện, điều tra, xử lý thông tin, tài liệu, hành vi liên quan đến hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước và các hoạt động tội phạm khác trên địa bàn tỉnh.

đ) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bảo đảm an ninh thông tin.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật về Internet cho học sinh; hướng dẫn, tạo điều kiện và định hướng cho học sinh sử dụng Internet vào các hoạt động có ích, thiết thực trong học tập và cuộc sống.

b) Triển khai các biện pháp cảnh báo, giám sát để học sinh tránh các tác động tiêu cực của nội dung thông tin và các ứng dụng có hại trên Internet.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ trẻ em, thanh thiếu niên tránh các tác động tiêu cực của nội dung thông tin và các ứng dụng có hại trên Internet.

5. Trách nhiệm chung của các Sở, Ban, ngành

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, các Sở, Ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác quản lý, phổ biến, hướng dẫn điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bảo đảm an toàn an ninh thông tin trên mạng theo các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về quản lý Internet và trò chơi điện tử trên địa bàn.

b) Hỗ trợ và phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tại địa phương.

Điều 15. Ứng cứu sự cố mạng

Giao Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối, chủ trì và phối hợp với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT), các doanh nghiệp viễn thông, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan thực hiện việc ứng cứu sự cố mạng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn